

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2021
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Việt Trinh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 344/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Hồng L, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1976; (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Hồng L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân C cưới nhau vào năm 2014 do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/3/2017. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất hòa, cự cãi với nhau và anh C đánh chị trong lúc gây gổ với nhau. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì không hàn gắn được với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đăng Thùy D, sinh ngày 15/6/2015, hiện nay đang sống với anh C, khi ly hôn chị đồng ý để anh C được tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2021, trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Hồng L về điều kiện kết hôn. Anh và chị L cưới nhau vào năm 2014, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 4 năm 2021 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phát hiện vợ anh ngoại tình với người đàn ông khác, anh và gia đình đã khuyên can nhưng chị L vẫn yêu cầu ly hôn. Vì hiện nay còn thương vợ, thương con anh không đồng ý ly hôn với chị Đặng Hồng L.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đăng Thùy D, sinh ngày 15/6/2015, hiện nay đang sống với anh, nếu ly hôn anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của

mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Đăng Thùy D, sinh ngày 15/6/2015 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh C vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Đặng Hồng L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị L và anh C cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy vào ngày 16/3/2017 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra bất hòa, mâu thuẫn với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc do hai bên thiếu sự tin tưởng, yêu thương nhau. Mặc dù chị L và anh C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không thống nhất với nhau nhưng qua đó đã thể hiện được sự mâu thuẫn, bất hòa giữa hai bên. Chị L và anh C đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, thì anh chị không có tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh C không đồng ý ly hôn với chị L vì cho rằng anh còn thương vợ, thương con nhưng chị L thì kiên quyết yêu cầu ly hôn và anh C cũng không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị L yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Thùy D, sinh ngày 15/6/2015. Từ khi chị L và anh C

sống ly thân thì cháu D do anh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh C có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu D và chị L cũng đồng ý. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D của anh C là phù hợp với quy định tại các Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Hồng L phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đặng Thùy D, sinh ngày 15/6/2015 cho anh Nguyễn Xuân C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đặng Hồng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Hồng L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003071 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh